

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HSST.
Ngày 02/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huệ**.

Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/HSST, ngày 27 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trương Minh T, sinh ngày 29/03/1991, tại tỉnh Bình Phước.

Nơi thường trú: **Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.**

Số căn cước công dân: 075091006196; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Minh S** và bà **Nguyễn Thị H**; có vợ **Nguyễn Thị Tuyết T1** và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền sự, Tiền án: Không.

Về nhân thân: Ngày 19/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về Tội hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2023 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa)

2. Phạm Hoàng H1, sinh ngày 28/3/1999, tại tỉnh Bình Phước.

Nơi thường trú: **Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.**

Số căn cước công dân 070099010760; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H2** và bà **Phạm Thị Thúy H3**; chưa có vợ và con; Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2023 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh **Bùi Văn P**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)
HKTT: Xóm B, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
Nơi ở: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Người làm chứng:
 - + **Nguyễn Võ Trung K**, sinh năm 1997. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: **Thôn E, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.**
 - + **Nguyễn Trung T2**, sinh năm 1989. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: **Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được thông tin quần chúng nhân dân tố giác tại khu vực nhà bà **H4** (ở **thôn B, xã Đ**) cho đối tượng **Nguyễn Trung T2** thuê lại, thường xuyên có nhiều thanh niên đến tụ tập hút ma túy. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** và **công an xã Đ** phối hợp kiểm tra tại nhà trọ nêu trên.

Khi kiểm tra phát hiện ở phòng phía trước có đối tượng **Nguyễn Trung T2** đang ngủ. Kiểm tra phía sau nơi tiếp giáp nhà vệ sinh và nhà tắm phía sau có các đối tượng **Trương T** nằm ở võng và **Phạm Hoàng H1, Nguyễn Võ Trung K** ngồi xung quanh với nhau với khoảng cách từ 0.6m đến 1.3m. Tại đây phát hiện thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy (ống thủy tinh hình phễu) bên trong có chất màu vàng (niêm phong ký hiệu M1); 01 thùng nhựa úp ngược, trên khe miệng có 01 gói nylon lớn, bên trong có 07 gói nhỏ (tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu M3); 01 cân tiểu ly và trên cân có 01 gói nylon viên đỏ miệng khóa miết, bên trong có chứa chất màu trắng (niêm phong ký hiệu M2). Vì vậy, Công an đã lập biên bản phạm tội quả tang theo quy định, đồng thời thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Realme của **H1**, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung của **T**. Ngoài ra khám xét tại phòng khách nơi phòng **T2** ngủ phát hiện trong ống viên gạch có 01 gói nylon viên đỏ, miệng khóa miết bên trong có 02 gói nylon hàn kín (ma túy của **Nguyễn Trung T2**, đã xử lý trong vụ án khác). Khi bắt quả tang và các đối tượng khai như sau:

Trương Minh T khai: Ngày 10/6/2023 **T** mua lại ma túy của một người tên **S1** rồi nhờ **H1** nhận dùm, ngày 13/6/2023 đến nhà **H1** nhận ma túy rồi chia đôi số ma túy này ra. Phần ma túy của **T** đã sử dụng hết cùng với **H1, T2** và **N**; cân tiểu ly là của **T** cho **H1** mượn trước đó. Số ma túy 07 gói nhỏ thu tại hiện trường là của **H1**, gói ma túy còn lại trên cân tiểu ly không biết của ai. Buổi sáng 14/6 bị cáo cầm gói thuốc lá hiệu HB đến nhà **T2** chơi, rồi ra phía sau nhà **T2** lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã có sẵn ma túy mà bị cáo đã sử dụng chiều ngày 13/6/2023 đốt lên sử dụng, sau đó nhắn tin cho **T2** và **K** đến chơi.

Phạm Hoàng H1 khai: Buổi sáng ngày 14/6 đến nhà **T2** thì thấy **T** đang chơi game, bên cạnh có dụng cụ sử dụng ma túy nên tự lấy sử dụng, rồi thấy **K** cũng đến sử dụng. 07 gói ma túy là của **H1** được chia lại từ **T** buổi tối ngày

13/6/2023. Trước đó **T** nhờ nhận dùm ma túy của một người tên **S1**. Số ma túy này đựng trong gói thuốc lá HB là của **H1** nhưng buổi sáng 14/6 **T** cầm nhầm về. Khi đang ngồi chơi và hút thuốc thì có **S2** gọi điện hỏi mua ma túy, bị cáo lấy số ma túy ra để trên khe miệng thùng nhựa đợi **S2** đến để bán.

Nguyễn Võ Trung K khai: Buổi sáng 14/6/2023 **T** gọi qua ứng dụng Zalo rủ xuống chơi, sau đó **K** đến nhà của **T2**. Khi đến thấy **T** và **H1** chơi game nên hỏi **T** đồ (ma túy) có ngon không thì **T** nói cũng được, rồi **K** tự lấy và sử dụng, sử dụng được khoảng 02 lần thì **H1** tiếp tục sử dụng.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa **Phạm Hoàng H1** khai nhận: **Phạm Hoàng H1** quen biết với anh **Bùi Văn P**. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/6/2019, anh **P** điều khiển xe mô tô biển số 93P1-820.19 từ **thôn I, xã Đ** đến khu vực ngã ba **S thuộc thôn B, xã Đ** thì gặp **H1** đang đi bộ. **H1** nhờ anh **P** chở đến **quán I thuộc thôn B, xã Đ** để cùng chơi Internet. Chơi được một lúc, thì **H1** hỏi mượn xe mô tô của anh **P** để đi công việc. Anh **P** đồng ý cho **H1** mượn xe. Sau khi đi công việc, **H1** không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định bán xe anh **P**. **H1** điều khiển xe mô tô biển số 93P1-820.19 điều khiển sang địa phận **huyện P, tỉnh Bình Phước** bán cho 01 người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lý lịch) lấy 5.000.000 đồng. Số tiền này **H1** tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy **H1** trả lại xe mô tô biển số: 93P1-820.19 nên anh **P** làm đơn trình báo hành vi lạm dụng của **H1** đến **Công an xã Đ**. Sau đó, **Công an xã Đ** đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT - **Công an huyện B** xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại Kết luận giám định phòng số: 670/KL-KTHS ngày 21/6/2023 của **Phòng K1 - Công an tỉnh B** (BL: 15), kết luận:

+ Chất màu vàng (ký hiệu M1) bám dính trong phễu thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,0682 gam.

+ Tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) có trong gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,6225 gam.

+ Tinh thể màu trắng (ký hiệu M3) có trong 07 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 1,1005 gam.

- Tại Kết luận định giá số: 42/KL-ĐG ngày 19/8/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự **huyện B, tỉnh Bình Phước**, kết luận: Tại thời điểm xảy ra tội phạm: xe mô tô biển số: 93P1-820.19 có trị giá 17.340.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 156/CT – VKS, ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo **Trương Minh T** và **Phạm Hoàng H1** phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Phạm Hoàng H1** phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát tuy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trương Minh T** và **Phạm Hoàng H1** phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo **Phạm Hoàng H1** phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Trương Minh T** và **Phạm Hoàng H1** từ 18 đến 24 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng H1** từ 15 đến 18 tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điều 55 tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, do không có nghề nghiệp thu nhập ổn định và hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo **H1** bồi thường cho bị hại theo quy định.

Về vật chứng vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi giám định, 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy, bên trong ống thủy tinh hình phễu; 02 bao thư niêm phong (chứa chất ma túy); 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đen đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - **Công an huyện B**, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 14/6/2023 **Trương Minh T** và **Phạm Hoàng H1** có hành vi tàng trữ trái phép ma túy loại Methamphetamine với tổng khối lượng là 1,6275 gam. Quá trình điều tra không chứng minh được việc tàng trữ nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo là đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

Hành vi lợi dụng sự quen biết để có được tài sản, sau đó chiếm đoạt xe mô tô trị giá xe mô tô biển số 93P1-820.19 có giá trị 17.340.000đ của bị cáo **Phạm Hoàng H1** đã đủ yếu tố cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác.

Hành vi của bị cáo **H1** chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Trong vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, đều là người thực hành. Tuy nhiên, cũng cần phân tích về vai trò cũng như nhân thân từng bị cáo để xem xét khi lượng hình phạt. Cụ thể bị cáo **T** là người trực tiếp liên hệ thỏa thuận mua ma túy, gọi điện thoại cho **H1** nhận ma túy; trước khi phạm tội bị cáo từng bị Tòa án kết án 06 tháng tù về Tội hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản. Mặc dù đã chấp hành xong bản án và đã được xoá án tích nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo **H1** trực tiếp nhận ma túy khi được **T** nhờ và phân chia ma túy; bản thân chưa có tiền án tiền sự, nhưng trước đó vào năm 2019 có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện bị cáo không tu chí làm ăn.

Đánh giá về lời khai của bị cáo **T** và **H1** liên quan đến hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về số lượng ma túy thu tại hiện trường khi bắt quả tang, nhưng chưa thành khẩn khai báo hết về các tình tiết của vụ án, có dấu hiệu phạm tội khác, cụ thể như sau:

Về hành vi góp tiền mua và chia ma túy: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo **T** và **H1** đều cho rằng ngày 13/6/2023 bị cáo **T** mua ma túy của đối tượng tên **S1** và nhờ **H1** nhận dùm ma túy. Sau khi có được ma túy thì đến buổi tối ngày 13/6 **T** đến nhận ma túy thì **H1** mới đề nghị chia lại $\frac{1}{2}$ số ma túy đã mua. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 24/01/2024 bị cáo **H1** thừa nhận việc trao đổi nhận ma túy và đã nhận ma túy là từ ngày 10/6/2023 theo nội dung hội thoại trên ứng dụng Zalo (Bút lục 126 -127), nhưng tại phiên tòa ngày 24/01/2024 bị cáo **T** không thừa nhận nội dung hội thoại. Sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, cũng như tại phiên tòa ngày 29/3/2024 thì bị cáo **T** mới thừa nhận nội dung hội thoại trên và cho rằng đã thỏa thuận góp tiền mua ma túy từ ngày 10/6 và nhận ma túy rồi phân chia ra từ buổi chiều ngày 10/6/2023. Căn cứ nội dung hội thoại giữa bị cáo **H1** và **T** thể hiện ngày 11/6/2023 bị cáo **H1** đã sử dụng ma túy sau khi được phân chia. Như vậy nếu theo lời khai của các bị cáo thì số lượng ma túy sau khi được phân chia các bị cáo đã tự quản lý, sử dụng; không có việc bị cáo **T** cầm nhầm gói ma túy của **H1** trong buổi sáng ngày 14/6 khi đến nhà trọ của **Nguyễn Trung T2**.

Lời khai của bị cáo **T** trước sau mâu thuẫn về việc sử dụng số ma túy sau khi được phân chia: Có lúc bị cáo khai sử dụng cùng **T2**, **N**, **H1** hết (biên bản phạm tội quả tang và các bút lục 59, 63, 65, 67); có lúc lại khai sử dụng một mình, có lúc lại khai mượn dụng cụ của **T2** để sử dụng (bút lục 70 và phiên tòa ngày 29/01/2024). Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không thừa nhận số ma túy thu tại hiện trường trên cân tiểu ly là có ma túy của bị cáo. Tuy nhiên đến phiên tòa ngày 24/01/2024 thì bị cáo lại thừa nhận.

Về chiếc cân tiểu ly: Quá trình điều tra bị cáo **T** khai là của bị cáo và cho **H1** mượn, rồi **H1** trả lại ngày 12/6/2023; tại phiên tòa ngày 29/3/2024 và một số lời khai cho rằng có được do **S1** mang đến cùng với số ma túy mua. Lời khai của bị cáo **T** là mâu thuẫn với lời khai bị cáo **H1** tại phiên tòa 24/01/2024. Trong đó **H1** khai mua chiếc cân này khoảng 02 tuần trước khi bị bắt và **H1** dùng vào việc phân nhỏ ma túy ra để sử dụng đúng liều lượng (sợ sốc thuốc), nhưng tại phiên tòa ngày 29/3/2024 bị cáo **H1** lại thay đổi lời khai cho rằng cân có được khi đối tượng Sáng giao ma túy.

Về dụng cụ sử dụng ma túy: Khi bị bắt quả tang và một số lời khai tiếp theo (Bút lục 59 và 63, 65, 67) bị cáo **T** cho rằng dụng cụ sử dụng ma túy thu tại hiện trường là của bị cáo đã sử dụng ngày 13/6/2023 tại nhà **T2**. Buổi sáng ngày 14/6 tiếp tục sử dụng, dụng cụ này đã để tại nhà **T2** cả một tháng trước đó, nhưng quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa sau đó bị cáo lại thay đổi lời khai cho rằng không phải của bị cáo.

Xét lời khai của bị cáo **H1** về mục đích sử dụng ma túy: Bị cáo khai khi bị bắt thì đã sử dụng ma túy trước đó khoảng 02 năm, khi sử dụng không dùng cân để cân sử dụng theo tỷ lệ, mục đích mua cân tiểu ly về là cân lại để chia nhỏ sử dụng dần, số ma túy đã phân chia không nhằm để bán. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo mâu thuẫn với lời khai khi bắt phạm tội quả tang và một số lời khai bị cáo cho rằng trước khi bị bắt thì có đối tượng tên **S2** gọi điện đến hỏi mua ma túy. Bị cáo đã lấy ma túy (đã phân chia nhỏ) để trên khe miệng thùng nhựa để đợi **S2** đến bán.

Xét vị trí ngồi sử dụng ma túy tại thời điểm bắt quả tang: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo và **Nguyễn Võ Trung K** ngồi quay mặt vào nhau với khoảng cách từ 01m từ vật dụng sử dụng ma túy; **K** cũng khai khi đến có hỏi **T** về ma túy trong dụng cụ và được tiến trả lời, rồi **K** mới sử dụng. Mặt khác, **H1** và **K** đều do bị cáo **T** gọi điện thoại rủ đến chơi. Vì vậy, việc **H1** và **K** sử dụng ma túy trong dụng cụ thủy tinh tại hiện trường thì bị cáo **T** đều nghe và nhìn thấy được.

Từ những lời khai của các bị cáo, người làm chứng, vật chứng thu được và bản ảnh thực nghiệm hiện trường, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo **T** còn có hành vi cung cấp dụng cụ và ma túy cho người khác sử dụng, là có dấu hiệu phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi mua ma túy rồi chia nhỏ ma túy thành nhiều gói, sau đó có người liên hệ qua điện thoại hỏi mua ma túy, bị cáo **H1** đã có lời khai đã lấy ma túy đợi người mua đến để giao là có dấu hiệu phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự.

Các mâu thuẫn, tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ và đề nghị khởi tố hành vi phạm tội liên quan nêu trên, nhưng

Cơ quan điều tra **Công an huyện B** và Viện kiểm sát nhân dân huyện B kết luận không có cơ sở khởi tố nên Hội đồng xét xử chỉ xét xử theo tội danh đã truy tố. Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên hủy bản án này để giải quyết lại khởi tố thêm hành vi phạm tội vụ việc theo quy định.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều là là lao động chính trong gia đình. Bị cáo **T** có con nhỏ nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại các điều luật thì ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ. Tuy nhiên, do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự **huyện B, tỉnh Bình Phước** xe mô tô biển số: 93P1-820.19 có trị giá 17.340.000đ. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo **H1** đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền như định giá. Tuy nhiên, bị hại không tham gia phiên tòa nên không có cơ sở ghi nhận mà cần buộc bị cáo bồi thường theo quy định.

[7] Về vật chứng vụ án:

Số ma túy còn lại sau giám định là được liệu Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy, 02 điện thoại dùng vào việc phạm tội giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Trương Minh T** và **Phạm Hoàng H1** phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo **Phạm Hoàng H1** phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Trương Minh T** 01 (một) năm 09 (chín) tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị

cáo **Phạm Hoàng H1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng H1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh buộc bị cáo **Phạm Hoàng H1** phải chấp hành là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2023.

Quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Phạm Hoàng H1** phải bồi thường cho anh **Bùi Văn P** số tiền 17.340.000đ.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong ký hiệu lần lượt là 656/2023M1, 656/2023 (M2), 656/2023 (M3) của **Phòng K1 Công an tỉnh B**; 01 điện thoại Realme màu đen; 01 điện thoại di động Sam Sung màu đen. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0010114 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B)*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Trương Minh T** và **Phạm Hoàng H1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo **Phạm Hoàng H1** phải chịu 867.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

